

CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA PHÚ THỌ



BÁO CÁO

KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

TẠI: CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA PHÚ THỌ TẠI SỐ 286 NGUYỄN TẤT
THÀNH, PHƯỜNG THANH MIẾU, TP. VIỆT TRÌ, PHÚ THỌ
ĐỢT 3 NĂM 2022

Thời gian quan trắc: Ngày 10 tháng 08 năm 2022

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN TOYOTA
PHÚ THỌ

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ
VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Duyên

Phú Thọ, Tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	II
DANH MỤC BẢNG BIỂU	III
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	III
DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA.....	IV
CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC	1
1.1. Giới thiệu chung về cơ sở.....	1
1.1.1. Địa điểm quan trắc	1
1.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội	1
1.1.3. Tình hình hoạt động của cơ sở	2
1.2. Căn cứ và nội dung thực hiện	2
1.2.1. Căn cứ thực hiện.....	2
1.2.2. Phạm vi công việc	2
1.2.3. Thời gian thực hiện	3
1.2.4. Đơn vị quan trắc, phân tích	3
1.3. Địa bàn thực hiện quan trắc	3
CHƯƠNG 2. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC.....	5
2.1. Môi trường khí thái	5
2.2. Môi trường nước	6
CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC THEO QUY ĐỊNH	9
3.1. Kết quả QA/QC hiện trường	10
3.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm.....	11
CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN.....	12
4.1. Kết luận	12
4.2. Các kiến nghị.....	12
PHỤ LỤC BÁO CÁO	14
PHỤ LỤC 1.....	15

DANH MỤC VIẾT TẮT

QA	:	Quality assurance – Bảo đảm chất lượng
QC	:	Quality control – Kiểm soát chất lượng
COD	:	Nhu cầu oxy hoá học
BOD ₅ ²⁰	:	— Nhu cầu oxy sinh học ở nhiệt độ 20°C trong 5 ngày
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	:	Bộ Y tế
CO	:	Cacbon monoxit
SO ₂	:	Lưu huỳnh điôxit
NO ₂	:	Nitơ điôxit

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc	3
Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu khí thải	5
Bảng 3. Kết quả phân tích mẫu nước thải	6

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Biểu đồ thông số SO ₂ , NO ₂ , CO so với quy chuẩn	6
Biểu đồ 2: Biểu đồ thông số bụi tổng so với quy chuẩn	6
Biểu đồ 3: Biểu đồ thông số tổng chất rắn lơ lửng, BOD ₅ so với quy chuẩn	8
Biểu đồ 4: Biểu đồ thông số amoni trong nước thải so với quy chuẩn	8

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THAM GIA

1. Người chịu trách nhiệm chính

Bà Đỗ Thị Duyên – Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam (Đơn vị đo kiểm, phân tích môi trường).

2. Những người tham gia thực hiện

Những người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường đợt 3 (tháng 8/2022) cụ thể như bảng sau:

Stt	Nội dung công việc	Người thực hiện	Trình độ chuyên môn, chức danh	Đơn vị công tác
1	Đại diện Công ty	Hà Việt Hùng	Nhân viên	Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ
2	Phê duyệt kết quả	Nguyễn Văn Hoà	Thạc sỹ	Phòng thử nghiệm chất lượng môi trường - Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam
3	Quan trắc và lấy mẫu hiện trường	Nguyễn Văn Việt	Thạc sỹ	
		Nguyễn Văn Linh	Thạc sỹ	
		Nguyễn Đoàn Lộc	Kỹ Sư	
4	Phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm	Lê Trung Thành	Thạc sỹ	
		Chu Thị Hồng Giang	Cử nhân	
		Đinh Thị Thu Hiền	Cử nhân	
		Nguyễn Thị Duyên	Kỹ sư	
5	Lập báo cáo	Nguyễn Thị Nhân	Cử nhân	Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam

CHƯƠNG 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC

1.1. Giới thiệu chung về cơ sở

1.1.1. Địa điểm quan trắc

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ
- Địa điểm quan trắc: Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ

1.1.2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội

*** Điều kiện tự nhiên**

Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ tại Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ. Tp. Việt Trì nằm ở phía Đông của tỉnh Phú Thọ, có vị trí tiếp giáp như sau:

- Phía Đông giáp các huyện Vĩnh Tường và Lập Thạch, tỉnh Phú Thọ
- Phía Tây giáp huyện Lâm Thao
- Phía Nam giáp huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội với ranh giới là Sông Hồng
- Phía Bắc giáp huyện Phù Ninh

*** Điều kiện kinh tế xã hội của dự án**

+ Đặc điểm kinh tế

Việt Trì là đô thị trung tâm của các tỉnh Trung du và miền núi Bắc Bộ, và là một trong 22 đô thị loại I của Việt Nam. Việt Trì là trung tâm kinh tế chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật của tỉnh Phú Thọ, có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh, và là đô thị động lực trong phát triển xã hội của tỉnh Phú Thọ và cả vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

Việt Trì được biết đến là thành phố công nghiệp đầu tiên của miền Bắc xã hội chủ nghĩa với các ngành dệt, giấy, hóa chất, sứ..., là đầu mối giao thông nối giữa các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc với thủ đô Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, nằm trên hành lang kinh tế Hải Phòng – Hà Nội – Côn Minh (Trung Quốc)

+ Đặc điểm xã hội

Việt Trì là thành phố du lịch về cội nguồn dân tộc Việt Nam, nơi tập trung các hoạt động văn hóa, xã hội. Kinh tế phát triển đã tạo động lực thúc đẩy sự nghiệp văn hóa xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Quy mô, mạng lưới trường, lớp học tiếp tục được tăng cường và từng bước thực hiện xã hội hóa, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

1.1.3. Tình hình hoạt động của cơ sở

* Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường, Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ tiến hành lập báo cáo quan trắc chất lượng môi trường định kỳ 4 lần/năm.

* Lĩnh vực hoạt động: Dịch vụ bảo hành bảo dưỡng xe Toyota, đại lý bán xe ô tô Toyota.

1.2. Căn cứ và nội dung thực hiện

1.2.1. Căn cứ thực hiện

Báo cáo quan trắc môi trường đợt 3 năm 2022 tại Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ được thực hiện trên các căn cứ pháp lý sau:

- Luật bảo vệ môi trường năm 2020 được Quốc hội khoá XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10 ngày 17 tháng 11 năm 2020, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 và các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 Quy định Kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin dữ liệu quan trắc môi trường.

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT;

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn liên quan đến môi trường

- QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

1.2.2. Phạm vi công việc

- Khảo sát, đánh giá sơ bộ về “Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ tại Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ”.

- Dựa trên công nghệ sản xuất, đánh giá các nguồn ô nhiễm phát sinh như: nước thải, khí thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại;

- Đánh giá chi tiết từng nguồn ô nhiễm và các loại chất thải phát sinh của mỗi nguồn.

- Đo đạc, phân tích mẫu khí thải, nước thải theo Quy chuẩn Việt Nam.

- Dựa trên Quy chuẩn về khí thải, nước thải của Nhà nước, đánh giá kết quả phân tích thực tế tại dự án, nhằm mục đích xác định được chất lượng môi trường hiện hữu.

- Đưa ra biện pháp giảm thiểu ô nhiễm hiện tại “Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ tại Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ”, và các biện pháp giảm thiểu trong tương lai (nếu có).

- Trình nộp cho Cơ quan thẩm quyền.

1.2.3. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện lấy mẫu, quan trắc ngoài hiện trường được thực hiện vào 10/08/2022

- Thời gian phân tích trong phòng thí nghiệm: từ 10/08/2022 đến 22/08/2022.

- Thời gian tổng hợp, viết báo cáo: 18/08/2022.

1.2.4. Đơn vị quan trắc, phân tích

- Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam

- Địa chỉ trụ sở: Số 45, Ngách 14/20, Ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

- Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

- Điện thoại: 0936175507

- Email: haticovietnam2016@gmail.com

- Chứng nhận Vimcert số 269.

- Chứng nhận Vilas số 1349.

1.3. Địa bàn thực hiện quan trắc

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	Vị trí lấy mẫu	
					Vĩ độ	Kinh độ
I	Thành phần môi trường khí thải					
1	Ống thải của hệ thống xử lý khí thải buồng sơn	KT	Lưu lượng, Bụi tổng, SO ₂ , NO _x , CO, Toluene, Xylen, Benzen	Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ	21 ⁰ 31' 15,3	105 ⁰ 41' 89,6
II	Thành phần môi trường nước thải					

1	Nước thải tại hồ gas sau xử lý	NT1	Lưu lượng, pH, BOD ₅ , COD, TSS, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliform	Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ	21° 31' 12,0	105° 41' 95,9
2	Nước thải tại cống thoát nước	NT2			21° 31' 08,0	105° 41' 90,1

CHƯƠNG 2. NHẬN XÉT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ QUAN TRẮC

2.1. Môi trường khí thải

Kết quả phân tích chất lượng môi trường khí thải được trình bày trong bảng sau

Bảng 2. Kết quả phân tích mẫu khí thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	6180	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 05	24	200
3.	SO ₂	mg/Nm ³	QTPT/KT-IMR	91,7	500
4.	NO _x	mg/Nm ³	QTPT/KT-IMR	84,16	850
5.	CO	mg/Nm ³	QTPT/KT-IMR	79,8	1000
6.	Toluen	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	5,7	750 ⁽¹⁾
7.	Xylen	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	2,6	870 ⁽¹⁾
8.	Benzen	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	0,15	5 ⁽¹⁾

Ghi chú: Vị trí lấy mẫu: Ống thải của hệ thống xử lý khí thải buồng sơn

Quy chuẩn so sánh:

- **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ **Cột B** quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

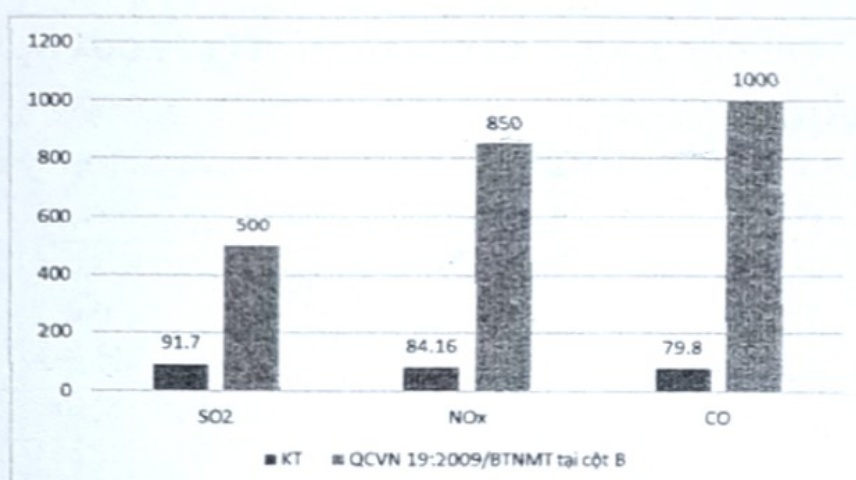
- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

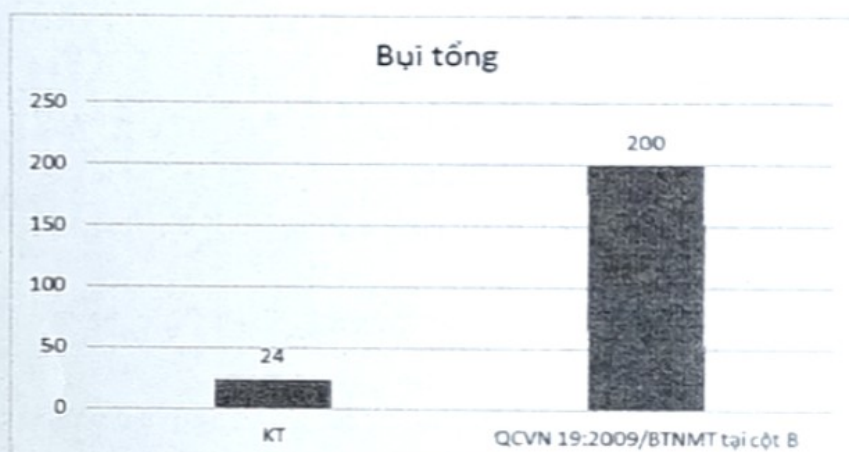
- ⁽¹⁾**QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Nhận xét: Qua quá trình phân tích, có thể thấy cả chỉ tiêu khí thải của công ty đều nằm trong giới hạn cho phép so với quy chuẩn **QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

- Chỉ tiêu Toluen, Xylen, Benzen nằm trong giới hạn cho phép so với quy chuẩn **QCVN 20:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.



Biểu đồ 1: Biểu đồ thông số SO₂, NO₂, CO so với quy chuẩn



Biểu đồ 2: Biểu đồ thông số bụi tổng so với quy chuẩn

2.2. Môi trường nước

Mẫu nước thải được lấy trong điều kiện: Trời nắng, có gió nhẹ, nhiệt độ trung bình 30°C, thời điểm lấy mẫu hoạt động của công ty diễn ra bình thường.

Kết quả phân tích mẫu nước thải của dự án cụ thể như sau:

Bảng 3. Kết quả phân tích mẫu nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14: 2008	QCVN 40:2011/
				NT1	NT2	/BTNMT (cột B)	BTNMT (Cột B)
1.	Lưu lượng	m ³ /h	HD.QT.N.01	0,3	0,3	-	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89	7,01	5-9	5,5 - 9
3.	Tổng chất rắn lơ	mg/l	TCVN 6625:2000	38	34	100	100

	lùng						
4.	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2017	110,1	108,8	-	150
5.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	47,8	44,3	50	50
6.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,18	0,15	4,0	0,5
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	2,18	2,07	10	10
8.	Tổng N (tính theo N)	mg/l	TCVN 6638:2000	18,9	18,5	-	40
9.	Tổng P (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,25	3,18	-	6
10.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	2,2	2,0	-	10
11.	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	TCVN 6187-2:1996	4.200	3.900	5000	5000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+NT1: Nước thải tại hố gas sau xử lý

+NT2: Nước thải tại cống thoát nước

Quy chuẩn so sánh:

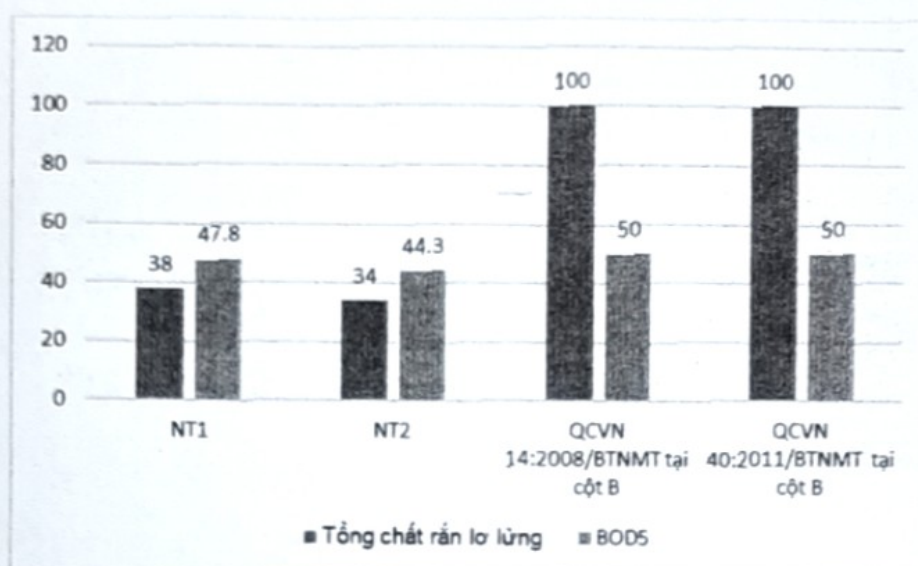
- **QCVN 40:2011/BTNMT** - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

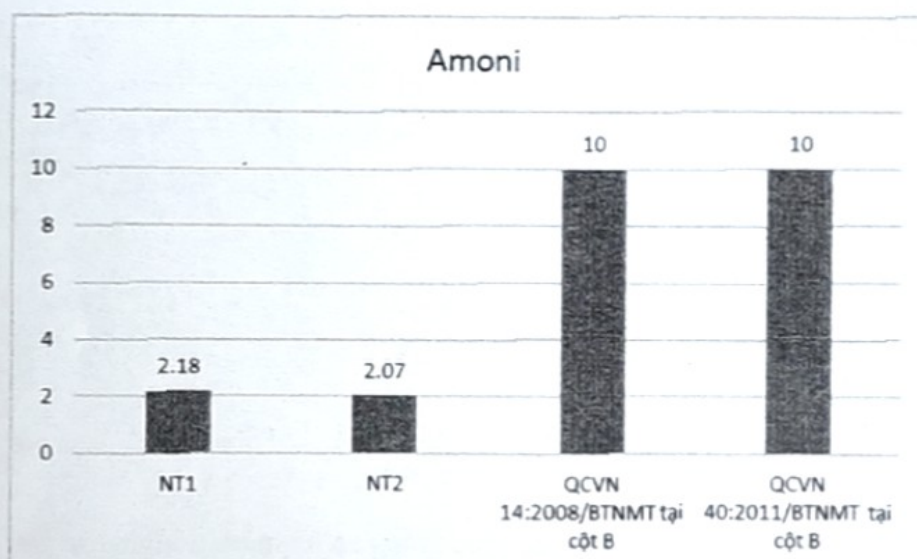
- **QCVN 14:2008/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Nhận xét: Mẫu nước trên có các chỉ tiêu đã phân tích đều đạt quy chuẩn theo **QCVN 40:2011/BTNMT** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp Cột B Và **QCVN 14:2008/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt Cột B.



Biểu đồ 3: Biểu đồ thông số tổng chất rắn lơ lửng, BOD₅ so với quy chuẩn



Biểu đồ 4: Biểu đồ thông số amoni trong nước thải so với quy chuẩn

CHƯƠNG 3. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC QA/QC THEO QUY ĐỊNH

** QA/QC trong lập kế hoạch quan trắc*

QA (Quality Assurance): Trong quan trắc môi trường là một hệ thống tích hợp các hoạt động quản lý trong một tổ chức nhằm bảo đảm cho hoạt động quan trắc môi trường đạt được các tiêu chuẩn chất lượng đã quy định nhằm ngăn ngừa những trục trặc về chất lượng bằng các hoạt động có kế hoạch và có hệ thống. Những hoạt động bao gồm việc thiết lập một hệ thống quản lý chất lượng tốt và đánh giá tình hình thích hợp, tính thẩm tra về hoạt động và kiểm điểm rà soát lại bản thân hệ thống đó. QA đề cập đến hệ thống quản lý tổng thể trong đó bao gồm tổ chức, lập kế hoạch, kế hoạch kiểm soát chất lượng, đánh giá báo cáo và cải tiến chất lượng. QA cung cấp các thông tin cần thiết để xác định chất lượng của dữ liệu và xem xét việc đáp ứng các yêu cầu về chất lượng đã được thiết lập. QA đảm bảo rằng dữ liệu sẽ đáp ứng tiêu chuẩn quy định về chất lượng với mức ấn định và độ tin cậy.

QC (Quality Control): Trong quan trắc môi trường là những hoạt động về kỹ thuật được sử dụng nhằm đạt được và duy trì chất lượng một sản phẩm, một quy trình hay một dịch vụ. Nó bao gồm theo dõi và loại trừ các nguyên nhân xảy ra nhưng trục trặc về chất lượng để các hoạt động của khách hàng có thể liên tục được đáp ứng. QC đề cập đến các hoạt động kỹ thuật với mục đích cơ bản là để kiểm soát lỗi. Các lỗi có thể xảy ra trong cả hiện trường, phòng thí nghiệm hoặc trong văn phòng. Vì vậy QC phải diễn ra trong tất cả các quá trình có liên quan. QC nên bao gồm các biện pháp cả nội bộ lẫn bên ngoài.

** Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) tại hiện trường:*

- QA/QC trong lấy mẫu hiện trường
 - + Định kỳ kiểm tra, hiệu chuẩn các thiết bị hiện trường: Nhiệt kế thang vạch $0,5^{\circ}\text{C}$, bơm lấy mẫu khí, thiết bị lấy mẫu nước, máy đo mức âm tương đương, máy đo vi khí hậu,...
 - + Đảm bảo rằng tất cả các nhân viên tham gia lấy mẫu đã được đào tạo.
 - + Đảm bảo rằng chương trình lấy mẫu thiết kế được đáp ứng các yêu cầu QA/QC mà không bị chi phối bởi vấn đề kinh phí, bởi vì giữa các yêu cầu của QA/QC và yêu cầu giảm thiểu kinh phí thường có mâu thuẫn. QA cần phải có vị trí độc lập.
- QA/QC trong đo thử tại hiện trường
 - + Dán nhãn lên tất cả các mẫu, trên nhãn ghi chép chính xác ngày, tháng, địa điểm, thời gian lấy mẫu, chất bảo quản mẫu và tên người lấy mẫu.

+ Ghi chép tất cả các chi tiết có liên quan đến việc lấy mẫu vào sổ tay, những điều kiện và biến động bất thường từ kỹ thuật lấy mẫu thông thường đến những yêu cầu đặc biệt.

+ Đảm bảo rằng dụng cụ và máy móc được bảo trì và kiểm tra định kỳ, sổ sách bảo trì cần được lưu giữ.

+ Tránh làm nhiễm bẩn mẫu, làm sạch dụng cụ lấy mẫu thường xuyên, kiểm tra độ sạch và hiệu quả của dụng cụ bằng cách đo mẫu trắng và mẫu so sánh.

+ Lựa chọn mẫu tại các vùng mà ở đó chúng khá đồng nhất về thời gian và không gian (nghĩa là tránh những tình huống khi lấy mẫu có sự sai lệch về thời gian và không gian dẫn đến sự sai lệch kết quả).

- QA/QC trong bảo quản và vận chuyển mẫu

+ Về đảm bảo chất lượng: cần phải có quy trình vận chuyển mẫu phù hợp nhằm bảo toàn mẫu về mặt số lượng và chất lượng. Trong quy trình cần nêu rõ một số điểm chính như sau:

+ Mẫu khi vận chuyển phải có nhãn để tránh nhầm lẫn.

+ Thủ tục sắp xếp mẫu nhằm tránh đổ vỡ.

*** *Đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong phòng thí nghiệm phân tích:***

Thường xuyên nâng cao năng lực quản lý và thực thi công việc trong phòng thí nghiệm, đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị cho phòng thí nghiệm.

Định kỳ kiểm tra, hiệu chỉnh các thiết bị tại phòng thí nghiệm: Tủ ủ BOD, tủ sấy, tủ hút, lò nung, máy cất nước, cân phân tích, máy quang phổ hấp phụ, máy so màu.

Thực hiện kiểm tra mẫu trắng hiện trường, mẫu trắng và mẫu kiểm tra trên các chất kiểm chuẩn tại phòng thí nghiệm song song với các mẫu phân tích.

Thực hiện việc lặp lại mỗi lần phân tích mẫu (lặp lại 2 lần đối với mỗi chỉ tiêu kiểm của 1 mẫu), sau đó dùng các đồ thị để kiểm tra kết quả như: Đồ thị trung bình và đồ thị giới hạn kiểm tra độ đúng và độ chính xác của phương pháp; đồ thị hai màu để kiểm tra sai số hệ thống của phương pháp; chuẩn bị phép thử liên phòng thí nghiệm để đánh giá sự dao động của phương pháp phân tích đang nghiên cứu trong một số phòng thí nghiệm.

3.1. Kết quả QA/QC hiện trường

- Khi thực hiện quan trắc tại hiện trường luôn đảm bảo sử dụng các mẫu QC để kiểm soát chất lượng, các mẫu QC được sử dụng bảo đảm phù hợp với từng thông số quan trắc.

- Số lượng mẫu thực: 01 mẫu khí thải, 02 mẫu nước thải
- Đánh giá độ chụm của phép phân tích: Mẫu lặp được sử dụng để đánh giá độ chụm của kết quả phân tích. Đối với 2 lần lặp độ chụm được đánh giá dựa trên việc đánh giá RPD, được tính toán như sau:

$$RPD = \frac{|LD1 - LD2|}{[(LD1 + LD2) / 2]} \times 100 (\%)$$

RPD = phần trăm sai khác

LD1 = mẫu lặp PTN, lặp lần thứ nhất

LD2 = mẫu lặp PTN, lặp lần thứ hai

Giới hạn RPD được tổ chức thực hiện quan trắc thiết lập dựa trên kết quả phê duyệt phương pháp phân tích nhưng không vượt quá 30%

- Đánh giá tính hoàn thiện của số liệu
- + Tính hoàn thiện của số liệu được xác định thông qua phần trăm đầy đủ của số liệu, là phép đo số lượng mẫu cần quan trắc, được so sánh với số lượng mẫu quan trắc dự kiến lấy ban đầu
- + Cách tính: Công thức sau đây được sử dụng để xác định phần trăm đầy đủ của số liệu (%)

$$C = (V \times 100) / T\%$$

+ Trong đó:

C: Phần trăm đầy đủ của số liệu phần trăm, V là số lượng phép đo mẫu quan trắc theo kế hoạch được chấp nhận hợp lệ

T: Tổng số mẫu cần quan trắc theo dự kiến ban đầu

C phải bảo đảm đạt từ 95% trở lên thì số liệu quan trắc đảm bảo nhu cầu cung cấp và sử dụng

3.2. Kết quả QA/QC trong phòng thí nghiệm

Sử dụng mẫu QC để kiểm tra sự nhiễm bẩn của dụng cụ hóa chất, thuốc thử, các yếu tố ảnh hưởng và đánh giá độ chụm, độ chính xác của kết quả phân tích đảm bảo không vượt quá 15% tổng số mẫu cần phân tích trong chương trình quan trắc

CHƯƠNG 4. KẾT LUẬN

4.1. Kết luận

Đợt quan trắc ngày 10/08/2022 “Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ tại Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ” do Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật Hatico Việt Nam thực hiện đã đảm bảo được yêu cầu và tiến độ cơ bản của kế hoạch quan trắc đã được đưa ra cũng như đảm bảo thực hiện đúng quy trình quan trắc theo quy định hiện hành.

Quá trình quan trắc, lấy mẫu, bảo quản mẫu và phân tích được áp dụng QA/QC trong quan trắc theo đúng quy định hiện hành.

Từ kết quả quan trắc và phân tích môi trường khí thải và môi trường nước trong đợt quan trắc này của Công ty cho thấy:

Môi trường khí thải:

+ Đối với mẫu khí thải buồng sơn sau xử lý của dự án có các thông số đã thử nghiệm đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Môi trường nước:

+ Đối với mẫu nước thải của dự án có các thông số đã thử nghiệm đều nằm trong giới hạn theo QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp theo cột B và QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo cột B.

Như vậy, hoạt động của “Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ” các thông số phân tích nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành của Việt Nam về môi trường.

4.2. Các kiến nghị

Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ là một công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ bảo hành bảo dưỡng xe Toyota, đại lý bán xe ô tô Toyota đã góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Là một trong những dự án về phát triển kinh tế và quy hoạch, song hành giữa mục tiêu phát triển công nghiệp và thương mại, đô thị nên công ty ý thức rất rõ tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường.

Công ty cam kết sẽ áp dụng các biện pháp tiết kiệm năng lượng, xây dựng kế hoạch cụ thể và chương trình quan trắc môi trường theo định kỳ. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý môi trường trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát môi trường. Công ty chúng tôi cũng sẽ có những biện pháp căn chỉnh để giảm tới đa mức

gây ô nhiễm tại các khu vực sản xuất có nguy cơ vượt ngưỡng cho phép; duy trì các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải tiến các công đoạn sản xuất để chất lượng môi trường đạt tiêu chuẩn cho phép.

Công ty rất mong được sự giúp đỡ, hướng dẫn của các cơ quan chuyên môn thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và mong muốn chính quyền địa phương giúp đỡ, phối hợp trong công tác bảo vệ môi trường tại địa phương nhằm đảm bảo môi trường và phát triển bền vững.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

TT	Phụ lục	Nội dung phụ lục
1	PHỤ LỤC 1	Tổng hợp kết quả quan trắc
2	PHỤ LỤC 2	Biên bản quan trắc hiện trường
3	PHỤ LỤC 3	Phiếu mẫu kết quả phân tích
4	PHỤ LỤC 4	Giấy chứng nhận Vimcerts 269

PHỤ LỤC 1

Tổng hợp kết quả quan trắc đợt 3

Tổng hợp kết quả quan trắc thành phần môi trường khí thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B	QCVN 20:2009/BTNMT
1.	Lưu lượng	m ³ /h	6180	-	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	24	200	-
3.	SO ₂	mg/Nm ³	91,7	500	-
4.	NO _x	mg/Nm ³	84,16	850	-
5.	CO	mg/Nm ³	79,8	1000	-
6.	Toluen	mg/Nm ³	5,7	-	750
7.	Xylen	mg/Nm ³	2,6	-	870
8.	Benzen	mg/Nm ³	0,15	-	5

Tổng hợp kết quả quan trắc thành phần môi trường nước thải

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14: 2008 /BTNMT (cột B)	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
			NT1	NT2		
1.	Lưu lượng	m ³ /h	0,3	0,3	-	-
2.	pH	-	6,89	7,01	5-9	5,5 - 9
3.	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	38	34	100	100
4.	COD	mg/l	110,1	108,8	-	150
5.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	47,8	44,3	50	50
6.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,18	0,15	4,0	0,5
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	2,18	2,07	10	10
8.	Tổng N (tính theo N)	mg/l	18,9	18,5	-	40
9.	Tổng P (tính theo P)	mg/l	3,25	3,18	-	6
10.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	2,2	2,0	-	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	4.200	3.900	5000	5000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

ĐT: 0936175507 Email: Haticovietnam2016@gmail.com VIMCERTS 269 - VILAS 1349

BIÊN BẢN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

I. THÔNG TIN CHUNG

ĐV được lấy mẫu:	Trung tâm huấn luyện an toàn vệ sinh lao động – Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MKV		
Địa chỉ:			
Địa điểm quan trắc	Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ, Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ.		
Đơn vị giám sát/ chứng kiến			
Ngày quan trắc:	ngày 10 tháng 8 năm 2022		
Thiết bị quan trắc:	☐ Thiết bị LM nước phương ngang; ☒ Thiết bị QT nước đa chỉ tiêu; ☐ Thiết bị lấy mẫu nước phương đứng; ☒ Gáo lấy mẫu nước; ☐ Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích; ☐ Thiết bị đo lưu lượng nước.		
Phương pháp quan trắc:			
☒ TCVN 6663-1:2011: Lập CT lấy M và KT lấy M; ☒ TCVN 6663-3:2016: Bảo quản và xử lý mẫu; ☐ TCVN 6663-6:2018: Lấy mẫu nước sông và suối; ☐ TCVN 5594:1995: Lấy mẫu N ở ao hồ TN và NT;		☒ TCVN 6663-10:2011: Lấy mẫu nước thải; ☐ TCVN 6663-11:2011: Lấy mẫu nước ngầm; ☐ TCVN 5998:1995: Lấy mẫu nước biển; ☐ TCVN 5997:1995: Lấy mẫu nước mưa; ☒ TCVN 8880:2011: Phương pháp lấy mẫu vi sinh.	
Điều kiện BQ	☐ Bảo quản lạnh ☒ Bảo quản axit ☐ Bảo quản kiềm		
Đặc điểm thời tiết:	Trời nắng, gió nhẹ		Cán bộ quan trắc: <i>Lý Đoàn Lộc</i>

II. THÔNG TIN, KẾT QUẢ LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

II. THÔNG TIN, KẾT QUẢ LẤY MẪU:

TT	Ký hiệu	Tên mẫu			Lượng mẫu		Tọa độ	
1	NT1	Nước thải tại hố ga sau xử lý					KĐ:	105, 419513
							VĐ:	21, 511206
		pH	Nhiệt độ (°C)	DO (mg/l)	TDS (mg/l)	EC (μS/cm)	Độ đục (NTU)	Lưu lượng xả (m³/h)
Lần 1.....		6,84						0,3
Lần 2 (Nếu có).....								
Lần 3 (Nếu có).....								
Trung bình (LD1)		6,84						0,3
Đo lặp (LD2)		6,84						0,3

RPD đạt YC < 15%?							
TT	Ký hiệu	Tên mẫu			Lượng mẫu		Tọa độ
2	NT2	Nước thải tại cống thoát nước					KĐ: 105, 4170195 VĐ: 21, 5108041
		pH	Nhiệt độ (°C)	DO (mg/l)	TDS (mg/l)	EC (µS/cm)	Độ đục (NTU)
Lần 1.....		7,01					0,3
Lần 2 (Nếu có).....							
Lần 3 (Nếu có).....							
Trung bình (LD1)		7,01					0,3
Đo lặp (LD2)		7,01					0,3
RPD đạt YC < 15%?							

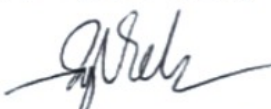
Ghi chú:.....

$$RPD = \frac{|LD1 - LD2|}{[(LD1 + LD2)/2]} \times 100(\%)$$

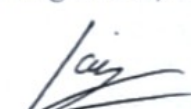
Đại diện Cơ sở được lấy mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên)


Hà Việt Hùng

Trưởng nhóm quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Việt

Người quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đoàn Lợi

Đại diện đơn vị giám sát/chứng kiến
(Ký và ghi rõ họ tên)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân, Hà Nội.

ĐT: 0936175507 Email: Haticovietnam2016@gmail.com VIMCERTS 269 - VILAS 1349

BIÊN BẢN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG**I. THÔNG TIN CHUNG**

ĐV được lấy mẫu:	Trung tâm huấn luyện an toàn vệ sinh lao động – Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MKV		
Địa chỉ:			
Địa điểm lấy mẫu	Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ, Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ.		
Đơn vị giám sát/ chứng kiến			
Ngày quan trắc:	ngày 10 tháng 8 năm 2022		
Thiết bị quan trắc:	☒ Máy đo nhanh khí thải IMR; ☒ Thiết bị lấy mẫu khí thải UNI-VOS; ☒ Thiết bị lấy mẫu khí thải ISOKINETIC; ☐ Thiết bị đo áp suất;		
Phương pháp quan trắc:	☒ Nhiệt độ: QTPT/KT-IMR ☐ Hàm ẩm: EPA 4 ☐ O ₂ : QTPT/KT-IMR ☒ Bụi tổng: EPA 5 ☒ CO: QTPT/KT-IMR ☐ H ₂ SO ₄ : EPA 8 ☒ NO _x : QTPT/KT-IMR ☐ SO ₂ : EPA 6 ☒ SO ₂ : QTPT/KT-IMR ☐ Kim loại nặng: EPA 29 ☐ Vị trí lấy mẫu: EPA 1 ☒ VOCs: PD CEN/TS 13649:2014 ☒ Lưu lượng: EPA 2 ☐ Hydro cacbon: PD CEN/TS 13649:2014 ☐ Mol khí khô: EPA 3 ☐ Tổng Dioxin/Furan: EPA 0023A		
Đặc điểm thời tiết:	Trời nắng, gió nhẹ	Cán bộ quan trắc:	Nguyễn Đoàn Lộc

II. THÔNG TIN, KẾT QUẢ LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

TT	Ký hiệu	Tên mẫu	Lượng mẫu	Tọa độ		
1	KT	Ống thải của HTXL khí thải buồng sơn		KĐ: 105,4 1196		
				VĐ: 21,3 1537		
Kết quả đo						
Thời gian	Nhiệt độ (°C)	O ₂ (%)	CO (mg/m ³)	NO (mg/m ³)	NO ₂ (mg/m ³)	SO ₂ (mg/m ³)
Lần 1.....	29	20,2	79,8	24,6	60,16	91,7
Lần 2 (Nếu có).....	29	20,2	80,94	25,83	62,04	94,72
Lần 3 (Nếu có).....	29	20,2	78,66	23,37	58,28	89,08
Trung bình (LD1)	29	20,2	79,8	24,6	60,16	91,7
Đo lặp (LD2)	29	20,2	79,8	24,6	60,16	91,7

BM: BBLM-KT

Biểu mẫu 01, 02, 03 - Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT

RPD đạt YC < 15%?						
-------------------	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

.....

.....

$$RPD = \frac{|LD1 - LD2|}{[(LD1 + LD2) / 2]} \times 100(\%)$$

Đại diện Cơ sở được lấy mẫu
(Ký và ghi rõ họ tên)


Hà Việt Hùng

Trưởng nhóm quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Việt

Người quan trắc
(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Đức Lộc

Đại diện đơn vị giám sát/chứng kiến
(Ký và ghi rõ họ tên)



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
 TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 2264-22/8/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Trung tâm huấn luyện an toàn vệ sinh lao động – Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MKV
 Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ - Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ
 Vị trí lấy mẫu : + NT1: Nước thải tại hố ga sau xử lý
 + NT2: Nước thải tại cống thoát nước
 Mã hóa mẫu : 10082022-0006
 Tên mẫu/ Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 02
 Ngày lấy mẫu : 10/8/2022 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/8/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm		QCVN 14:2008 /BTNMT (cột B)	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột B)
				NT1	NT2		
1.	Lưu lượng	m ³ /h	HD.QT.N.01	0,3	0,3	-	-
2.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,89	7,01	5-9	5,5 - 9
3.	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	TCVN 6625:2000	38	34	100	100
4.	COD	mg/l	SMEWW 5220 C:2017	110,1	108,8	-	150
5.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	TCVN 6001-1:2008	47,8	44,3	50	50
6.	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	TCVN 6637:2000	0,18	0,15	4,0	0,5
7.	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 5988:1995	2,18	2,07	10	10
8.	Tổng N (tính theo N)	mg/l	TCVN 6638:2000	18,9	18,5	-	40
9.	Tổng P (tính theo P)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,25	3,18	-	6
10.	Dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520 B&F:2017	2,2	2,0	-	10
11.	Tổng Coliform	MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	4.200	3.900	5000	5000

Ghi chú:

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột B: quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

TS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2022



Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định

2. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

5. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm do khách hàng trực tiếp gửi đến, hoặc công ty lấy về.

6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



HATICO VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VÀ KỸ THUẬT HATICO VIỆT NAM
PHÒNG THỬ NGHIỆM – VIMCERTS 269

Đ/c: Số 45 ngách 14/20 ngõ 214 đường Nguyễn Xiển, P. Hạ Đình, Q. Thanh Xuân,
TP. Hà Nội

Đ/c PTN: Số 3, ngõ 134/44/9 đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 0936.175.507

Email: haticovietnam2016@gmail.com

Ký hiệu: 2265-22/8/2022

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : Trung tâm huấn luyện an toàn vệ sinh lao động – Chi nhánh Công ty Cổ phần tập đoàn MKV
Địa điểm quan trắc : Công ty Cổ phần Toyota Phú Thọ - Số 286 Nguyễn Tất Thành, phường Thanh Miếu, TP. Việt Trì, Phú Thọ
Vị trí lấy mẫu : Ống thải của hệ thống xử lý khí thải buồng sơn
Mã hóa mẫu : 10082022-0007
Tên mẫu/ Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 10/8/2022 Ngày hoàn thành thử nghiệm: 22/8/2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm	QCVN 19:2009/BTNMT Cột B
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US EPA Method 02	6180	-
2.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 05	24	200
3.	SO ₂	mg/Nm ³	QTPT/KT-IMR	91,7	500
4.	NO _x	mg/Nm ³	QTPT/KT-IMR	84,16	850
5.	CO	mg/Nm ³	QTPT/KT-IMR	79,8	1000
6.	Toluen*	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	5,7	750 ⁽¹⁾
7.	Xylen*	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	2,6	870 ⁽¹⁾
8.	Benzen *	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	0,15	5 ⁽¹⁾

Ghi chú: Chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi Trung tâm Môi trường và Sản xuất sạch, Vimcerts 072

Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

+ **Cột B** quy định nồng độ của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015

+ ⁽¹⁾QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

CÁN BỘ QA/QC

Hoàng Thị Kim Anh

TP. THỬ NGHIỆM

ThS. Nguyễn Văn Hòa

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2022



Đỗ Thị Duyên

1. (-) Không quy định

2. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

5. Không tự ý sao lưu kết quả khi chưa có sự đồng ý của phòng thử nghiệm

6. Thời gian lưu mẫu 7 ngày, quá thời hạn phòng thử nghiệm không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 269
(Cấp lần 01)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật HATICO Việt Nam

Trụ sở chính:

Số 45, ngách 14/20, ngõ 214, đường Nguyễn Xiển, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Quyết định số 2334 /QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đỗ Thị Duyên Chức vụ: Giám đốc

CMND số: 151823768 do Công an tỉnh Thái Bình

Cấp ngày 01 tháng 08 năm 2012

Thời hạn của Giấy chứng nhận: 03 năm

Từ ngày 28 tháng 10 năm 2020

Đến ngày 27 tháng 10 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt: Lấy mẫu: 02 thông số
- Nước dưới đất: Lấy mẫu: 01 thông số
- Nước mưa: Lấy mẫu: 01 thông số
- Nước biển: Lấy mẫu: 01 thông số
- Nước thải: Lấy mẫu: 01 thông số

2. Khí

- Không khí xung quanh: Lấy mẫu: 06 thông số
- Khí thải: Lấy mẫu: ☐ Lấy mẫu: 01 thông số
- 3. Đất: Lấy mẫu: 01 thông số
- 4. Trầm tích: Lấy mẫu: 01 thông số
- 5. Bùn thải: Lấy mẫu: 01 thông số
- 6. Chất thải rắn: Lấy mẫu: 01 thông số

- Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Đo tại hiện trường: 04 thông số
- Đo tại hiện trường: 06 thông số
- Đo tại hiện trường: 03 thông số

- Đo tại hiện trường: 04 thông số
- Đo tại hiện trường: 05 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt: 27 thông số
- Nước dưới đất: 25 thông số
- Nước mưa: 09 thông số
- Nước biển: 17 thông số
- Nước thải: 23 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh: 06 thông số
- 3. Đất: 05 thông số

(Chi tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số 2334 /QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 269

(Cấp lần 02)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Công nghệ và Kỹ thuật HATICO Việt Nam

Trụ sở chính: Số 45, ngách 14/20, ngõ 214 đường Nguyễn Xiển,
quận Thanh Xuân, Hà Nội

Phòng thí nghiệm: Số 3 ngõ 124/44/9 đường Cầu Diễn, quận
Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Quyết định số 1478 /QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2021
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Giấy
chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đỗ Thị Duyên Chức vụ: Giám đốc

CCCD số 034191010578 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội cấp ngày 21 tháng 4 năm 2021

Thời hạn của Giấy chứng nhận:

Từ ngày 28 tháng 7 năm 2021

Đến ngày 27 tháng 10 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:
- Nước dưới đất:
- Nước biển:
- Nước thải:

2. Khí

- Không khí xung quanh:
- Khí thải:

Lấy mẫu: 00 thông số
Lấy mẫu: 01 thông số
Lấy mẫu: 01 thông số
Lấy mẫu: 01 thông số

Đo tại hiện trường: 01 thông số
Đo tại hiện trường: 01 thông số
Đo tại hiện trường: 01 thông số
Đo tại hiện trường: 02 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt:
- Nước dưới đất:
- Nước mưa:

2. Khí:

- Khí thải:

3. Đất:

4. Bùn thải:

5. Chất thải rắn:

01 thông số
01 thông số
01 thông số
03 thông số
01 thông số
05 thông số
06 thông số

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo
Quyết định số 1478 /QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài
nguyên và Môi trường).

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG